

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 422/2024/DS-ST.

Ngày: 05/7/2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Thu Ba

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Thị Tý
- Bà Bùi Diệu Huệ

- **Thư ký phiên tòa:** ông Võ Minh Tiễn - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** bà Hồ Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 221/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 196/2024/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 163/2024/QĐST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S

Địa chỉ: đường L, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: bà Nguyễn Đức Thạch D, sinh năm 1973 - Tổng Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1993 (theo giấy ủy quyền số 3611/2024/UQ-TGD ngày 07/5/2024).

Bị đơn: ông Trần Đức T, sinh năm 1996

Địa chỉ: đường S, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải cùng các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 26/4/2019 ông Trần Đức T có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 20.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất áp dụng là 2,6%/tháng (lãi suất trong hạn).

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 45.592.582 đồng, đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 41.516.337 đồng và ngưng thanh toán, mặc dù ngân hàng đã nhiều lần làm việc và nhắc nhở nhưng ông T không có thiện chí trả nợ. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 23/3/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn với số tiền tại thời điểm là 23.297.098 đồng gọi là dư nợ gốc và áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 3,9%/tháng ($2,6\% \times 150\%$).

Tạm tính đến ngày 20/5/2024 ông T còn nợ Ngân hàng các khoản sau: nợ gốc: 23.297.098 đồng; lãi quá hạn: 23.925.940 đồng. Tổng cộng: 47.223.038 đồng. Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 68.997.771 đồng nhân với lãi suất quá hạn là 3.9%/tháng từ ngày Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc trực tiếp với ông T cũng tạo điều kiện về thời gian để trả nợ nhưng ông T vẫn chưa thanh toán nợ vay. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T phải trả ngay một lần cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi nêu trên, và tiếp tục thanh toán lãi phát sinh từ ngày 21/5/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn Trần Đức T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đương sự vắng mặt không có lý do, cũng không có văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gửi cho tòa án. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Buộc ông Trần Đức T phải trả ngay một lần cho Ngân hàng toàn bộ số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 05/7/2024 là 48.616.194 đồng, trong đó: nợ gốc là 23.297.098 đồng, lãi quá hạn là 25.319.096 đồng và tiếp tục thanh toán lãi phát sinh từ ngày 06/7/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng đương sự vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng: từ khi thụ lý đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thời hạn

chuẩn bị xét xử đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án thấy rằng các bên có xác lập giao dịch tín dụng theo đúng quy định. Phía bị đơn đã sử dụng thẻ, làm phát sinh các giao dịch ghi nợ cũng như việc bị đơn đã thực hiện một phần nghĩa vụ. Xét việc bị đơn chỉ thực hiện một phần nghĩa vụ với Ngân hàng là chưa thực hiện đúng các thỏa thuận giữa các bên, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ngân hàng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng khởi kiện ông Trần Đức T yêu cầu trả nợ thẻ tín dụng, đây là tranh chấp dân sự phát sinh từ Hợp đồng tín dụng giữa cá nhân và Ngân hàng. Bị đơn cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh và thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 05/7/2024 là 48.616.194 đồng và tiếp tục thanh toán lãi phát sinh từ ngày 06/7/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng kèm theo Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S ngày 26/4/2019; tóm tắt sao kê giao dịch và thanh toán của ông Trần Đức T, thông báo khởi kiện cùng các tài liệu liên quan, thì xác định ông T có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, hạn mức tín dụng là 20.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng ông T đã thực hiện giao dịch với số tiền là 45.592.582 đồng, đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 41.516.337 đồng và ngưng thanh. Do ông T vi phạm hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có cơ sở chấp nhận.

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng đương sự vắng mặt không lý do, cũng không có bất cứ ý kiến nào phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên phải chịu mọi hậu quả pháp lý bất lợi (nếu có) do việc không cung cấp tài liệu, chứng cứ cũng như vắng mặt khi được Tòa án triệu tập họp lệ. Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Buộc ông Trần Đức T phải trả ngay một lần cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 05/7/2024 là 48.616.194 đồng, trong đó: nợ gốc là 23.297.098 đồng, lãi quá hạn là 25.319.096 đồng và tiếp tục thanh toán lãi phát sinh từ ngày 06/7/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

[4] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân là phù hợp, có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí: do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.430.810 đồng (48.616.194 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

2. Buộc ông Trần Đức T phải trả ngay một lần cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 05/7/2024 là 48.616.194 (bốn mươi tám triệu sáu trăm mười sáu nghìn một trăm chín mươi bốn) đồng, trong đó: nợ gốc là 23.297.098 (hai mươi ba triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn không trăm chín mươi tám) đồng, lãi quá hạn là 25.319.096 (hai mươi lăm triệu ba trăm mười chín nghìn không trăm chín mươi sáu) đồng, phát sinh từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 26/4/2019 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) và còn phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng trên số dư nợ gốc kể từ ngày 06/7/2024 cho đến khi trả hết số tiền nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: ông Trần Đức T phải chịu 2.430.810 (hai triệu bốn trăm ba mươi nghìn tám trăm mười) đồng. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí 1.063.218 (một triệu không trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm mười tám) đồng cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (do Nguyễn Thành N nộp), theo biên lai thu số 0012235 ngày 25/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành án tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Thời hạn kháng cáo, kháng nghị:

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với các đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Thời hạn kháng nghị đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm của Viện kiểm sát cùng cấp là 15 ngày, của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là 01 tháng, kể từ ngày tuyên án. Trường hợp Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa thì thời hạn kháng nghị được tính từ ngày Viện kiểm sát cùng cấp nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q. Bình Tân;
- Chi cục THA.DS Q. Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu Ba